

Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /6/2025
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách vãng lai với tổng lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày đêm. Thành phần gồm BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (tính theo H₂S), Amoni, Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), Coliform và các tạp chất khác.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, nhà bếp với lưu lượng khoảng 0,7 m³/ngày đêm. Thành phần gồm BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, Coliform và vi khuẩn gây bệnh (Samonella, Shigella, Vibrio, Cholerea).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: rãnh thoát nước đường Quốc lộ 4D đoạn chảy qua xã Giang Ma, huyện Tam Đường, nguồn tiếp nhận cuối cùng là suối khu vực bản Giang ma, xã Giang Ma, huyện Tam Đường.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Rãnh thoát nước đường Quốc lộ 4D đoạn chảy qua xã Giang Ma, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2476834, Y(m) = 556237. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103⁰, múi chiếu 3).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2 m³/ngày đêm = 0,08 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận, phương thức xả vào nguồn nước là cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B; K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT (cột B; K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Photphat (tính theo P)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	VK/ 100ml	KPH		
12	Shigella	VK/ 100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	VK/ 100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước mưa: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trùng với hệ thống thoát nước thải của trạm y tế. Nước mưa trên mái sẽ được thu gom theo đường ống PVC đường kính D90 dẫn xuống hệ thống thu gom nước mưa trên sân đường nội bộ kích thước 30cm x 40cm, tổng chiều dài 156 m. Nước mưa theo hệ thống rãnh thu gom chạy vòng quanh Trạm Y tế rồi được dẫn chảy ra rãnh thoát nước đường Giang Ma, xã Giang Ma, huyện Tam Đường, nguồn tiếp nhận cuối cùng là suối khu vực bản Giang ma, xã Giang Ma, huyện Tam Đường.

- Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại ba ngăn, nước thải sau bể tự hoại được nối vào hệ thống xử lý nước thải bằng ống PVC D60 chiều dài 30m; nước thải y tế tại khu điều trị được đấu nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất tối đa 2 m³/ngày đêm (24 giờ) bằng đường ống PVC đường kính D60, chiều dài 25m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 2m³/ngày (24 giờ):

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn (*ngăn chứa* → *ngăn lắng* → *ngăn lọc*) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2m³/ngày (24 giờ) (Bể điều hòa → Ngăn thiếu khí Anoxic → Ngăn hiếu khí MBBR → Ngăn lọc cặn) → Bể khử trùng → Ống thoát nước → Nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: Công suất tối đa 2 m³/ngày (24 giờ)

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: ClorinB, men vi sinh, dinh dưỡng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Việc quản lý, theo dõi hệ thống xử lý nước thải của trạm (tủ điện, hệ thống bơm) được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ. Đề phòng sự cố phát sinh, Trạm Y tế xã bố trí cán bộ phụ trách và được đào tạo về vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống XLNT; thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị

hồng học, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

+ Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố; kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống XLNT để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý. Có phương án thay thế các thiết bị dễ hỏng hóc để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống để khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất, trong trường hợp không sửa chữa được ngay phải báo về Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên để có phương án sửa chữa kịp thời.

+ Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ, theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường, ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác để khi gặp sự cố xác định được nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

+ Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể. Cam kết không xả nước thải chưa xử lý đạt yêu cầu ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình Hệ thống xử lý nước thải của Trạm Y tế xã Giang Ma tuân thủ theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

+ Thời gian bắt đầu: Kể từ ngày cơ sở được Cấp giấy phép môi trường.

+ Thời gian kết thúc: Ngày 10/06/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải Trạm Y tế xã Giang Ma

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Trung tâm Y tế huyện Tam Đường phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử

lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định của Mục A Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo nội dung đề xuất tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trạm Y tế xã Giang Ma.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trạm Y tế xã Giang Ma bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Trạm Y tế xã Giang Ma.

3.3. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó đặc biệt lưu ý: Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Giang Ma trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Trung tâm Y tế huyện Tam Đường chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /06/2025
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh/ngày	Khối lượng phát sinh/năm
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, lọ thuốc, vỏ thuốc, vỏ vắc xin...)	13 01 01	0,09 kg	24 kg

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên Trạm y tế. Khối lượng phát sinh khoảng 1,8 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Đặt tại khu vực thoáng gió, có mái che.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa tại Khu vực Trạm y tế.

2.2.2. Kho vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa riêng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128, Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục III**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày /06/2025
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục II, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./
